

Bản án số: 16/2022/HS-ST
Ngày 07-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thơ - Kiểm Sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn L, sinh ngày 01/01/1971, tại Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng; Nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: Khóm E, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: bán vé số; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn H và bà Quách TH; Tiền án: có 01 tiền án, cụ thể bị cáo Nguyễn Chí Linh bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, chấp hành án xong ngày 13/02/2021, chưa xóa án tích; Tiền sự: Có 01 tiền sự, cụ thể bị cáo Nguyễn L bị Công an huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 62/QĐ-XPHC ngày 25/8/2020, chưa nộp tiền phạt; Nhân thân: Đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 04 (bốn) tháng 10 (mười) ngày tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2016/HSST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, chấp hành án xong ngày 19/5/2016, đã được xóa án tích. Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1/ Ông Lâm M, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà Trần P, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

3/ Ông Trần T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp VH, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Trịnh Q, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông Ngô N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người tham gia tố tụng khác: người làm chứng bà Võ N, sinh năm 1983 (Có mặt). Địa chỉ: ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 15/4/2021, bị cáo Nguyễn L đi bộ từ nhà bị cáo đang ở hiện nay tại khóm A, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 01 giờ ngày 16/4/2021, bị cáo L đến nhà ông Lâm M thuộc ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do nhà ông M không có khóa cửa nên bị cáo L đi vào nhà ông M đến giường ngủ lấy trộm một điện thoại di động hiệu OPPO A37 và một ví da trong đó có 430.000 đồng. Sau đó bị cáo L tiếp tục đi về hướng ấp VH, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để tìm tài sản lấy trộm, khi đến nhà bà Trần P và ông Trần T ngụ ấp VH, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nhà của vợ chồng bà P cũng không có khóa cửa nên bị cáo L đi vào trong nhà, đến giường ngủ của vợ chồng bà P lấy trộm một điện thoại di động nhãn hiệu samsung A30 và một điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9s, rồi bị cáo trở ra đi tiếp đến xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đến sáng ngày 16/4/2021, bị cáo L đến tiệm điện thoại của ông Ngô N địa chỉ ấp P, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu bán một điện thoại di động Redmi Note 9s với giá 900.000 đồng. Sau đó bị cáo L đi về chợ N, thị xã N, và đến cửa hàng điện thoại của ông Trịnh Q địa chỉ khóm E, phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bán một điện thoại di động hiệu OPPO A37 và một điện thoại di động nhãn hiệu samsung A30 với giá 200.000 đồng, nhưng ông Q mới chỉ đưa cho bị cáo L số tiền 50.000 đồng.

Cùng ngày 16/4/2021 cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm mời bị cáo L làm việc. Quá trình làm việc bị cáo L đã thừa nhận thực hiện hành vi trộm điện thoại di động của bà Trần P, ông Trần T và ông Lâm M.

Theo kết luận định giá tài sản số: 08/KL- HĐĐG, ngày 19 tháng 4 năm 2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N, kết luận: Giá trị còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung A30 là 2.683.000 đồng và giá trị còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9s là

2.896.000 đồng. Tổng giá trị điện thoại bị cáo L đã trộm tại nhà vợ chồng bà Trần P là 5.759.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số: 09/KL- HĐĐG, ngày 19 tháng 4 năm 2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã N, kết luận: Giá trị còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 là 1.396.000 đồng. Giá trị điện thoại đã trộm của ông Lâm M.

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2021 bị cáo Nguyễn L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nhưng bị cáo L đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên cơ quan điều tra thay đổi biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam và ra quyết định truy nã bị cáo Nguyễn L. Đến ngày 17/02/2022, bị cáo L đã đến công an Phường R, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đầu thú.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSNN ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung và có đề nghị bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Đầu thú*” theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn L mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: số tiền 1.600.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hoàn trả lại cho ông Lâm M số tiền 430.000 đồng; hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn L số tiền 220.000 đồng; Tịch thu nộp ngân sách số tiền 950.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại cho ông Lâm M số tiền 430.000 đồng từ số tiền xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố cũng như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm thì bị hại ông Lâm M không có yêu cầu bị cáo L bồi thường về giá trị điện thoại do giá trị không còn lớn, ông chỉ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị cáo đã lấy trộm của ông là 430.000đ (Bốn trăm ba chục nghìn đồng).

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của bà Trần P và ông Trần T trình bày yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; còn trách nhiệm dân sự thì không yêu cầu bồi thường gì.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ngô N và Trịnh Q trình bày có mua lại những chiếc điện thoại di động do bị cáo L đem lại bán nhưng không biết đây là tài sản trộm, các ông đã giao trả lại điện thoại di động còn giữ cũng không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại ông Lâm M, bà Trần P, ông Trần T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ngô N, Trịnh Q vắng mặt. Xét thấy, những người này đều đã có lời khai tại cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm, việc vắng mặt những người này không gây cản trở cho việc xét xử. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên, còn một số thủ tục tố tụng cần nêu lên để rút kinh nghiệm về sau: Cụ thể:

Theo điểm a khoản 1 Điều 229 của BLTTHS quy định “*Khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án. Trường hợp không biết rõ bị can đang ở đâu, Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi tạm đình chỉ điều tra*”. Hồ sơ thể hiện cùng ngày 20/8/2021 thì cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm vừa ban hành quyết định truy nã bị can vừa ban hành quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can là chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 229 của BLTTHS.

Theo Điều 244 BLTTHS quy định “*Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng, Viện kiểm sát phải chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án. Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày.*” Hồ sơ thể hiện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm ban hành bản Cáo trạng ngày 14/4/2022 nhưng đến ngày 26/4/2022 mới chuyển bản cáo trạng và hồ sơ đến Tòa án là chưa đảm bảo quy định.

Theo Khoản 2 Điều 240 BLTTHS quy định “*Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này (trong đó có quyết định truy tố bị can trước Tòa án), Viện kiểm sát phải thông báo cho bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can, bị hại biết việc trả hồ sơ*

để điều tra bổ sung; giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi cho Cơ quan điều tra, người bào chữa bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; thông báo cho bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ”. Tức là khi ban hành Cáo Trạng truy tố bị cáo ra trước Tòa án thì Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm ngoài gửi cho bị can thì còn phải thông báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được biết, hồ sơ chưa có văn bản thể hiện Viện kiểm sát đã thực hiện thủ tục này.

Nhận thấy, những vi phạm vừa nêu không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng cần nêu ra để rút kinh nghiệm về sau.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn L đã khai nhận: Vào khoảng 01 giờ ngày 16/4/2021 tại nhà bị hại ông Lâm M ở ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì bị cáo L đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 giá trị còn lại là 1.396.000 đồng và số tiền 430.000 đồng. Sau khi trộm xong tại nhà ông M, bị cáo đi tiếp đến nhà của vợ chồng bà Trần P và ông Trần T tại ấp VH, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tại nhà vợ chồng bà Trần P, bị cáo L cũng thực hiện hành vi lén lút lén vào nhà sau chiếm đoạt cùng một lúc gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung A30 giá trị còn lại là 2.683.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9s giá trị còn lại là 2.896.000 đồng. Lời khai của bị cáo L tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn L cấu thành tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn L theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho bị cáo.

[4] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình. Bị cáo có đầy đủ sức khỏe đề lao động làm ăn chân chính nhằm tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân, nhưng bị cáo chỉ muốn hưởng thành quả lao động của người khác mà không phải bỏ ra sức lao động. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, đã lén lút lấy tài sản của bị hại để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo được cải sửa lỗi lầm. Tuy nhiên, trước khi lượng hình thì Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có 01 tiền án và 01 tiền sự đều về hành vi trộm cắp tài sản; còn về nhân thân thì bị cáo cũng từng bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản đã được xóa án tích. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm đã tịch thu hoàn trả cho bị hại, gây thiệt hại không lớn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung. Ngoài ra, bị cáo được người bị hại P và T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình khởi tố mặc dù bị cáo bỏ trốn, đã bị truy nã nhưng bị cáo đã tự nguyện đến công an đầu thú. Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt cho bị cáo tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tuyên phạt 07 (Bảy) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2020/HSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, chấp hành án xong ngày 13/02/2021, chưa xóa án tích. Ngày 16/4/2021 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đây được xem là tình tiết tăng nặng "*Tái phạm*" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung.

Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vừa nêu trên cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm đã trao trả lại tài sản mất trộm cho bị hại bà Trần P và ông Trần T quản lý, sử dụng đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn L. Hội đồng xét xử nhận thấy trong số tiền này có số tiền 430.000 đồng là tiền bị cáo L đã lấy trộm của bị hại ông Lâm M và ông M có yêu cầu bị cáo L hoàn trả số tiền này cho ông M cho nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS giao trả cho bị hại ông Lâm M số tiền 430.000 đồng. Còn số tiền bị cáo bán điện thoại di động bị trộm cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô N là 900.000 đồng và bán cho ông Trịnh Q là 50.000 đồng. Theo Điều 194 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*Chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản*". Trong trường hợp này ông N và ông Q đã giao nộp lại những chiếc điện thoại mua của bị cáo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm và không có yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền mua điện thoại xem như từ bỏ quyền sở hữu của mình. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện này của ông N và ông Q. Đồng thời, theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm thì số tiền 950.000 đồng này không thuộc trường hợp tịch

thu sung vào ngân sách nhà nước. Còn số tiền còn lại 220.000 đồng là tiền của cá nhân bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS cần hoàn trả lại cho bị cáo số tiền 950.000đ và 220.000 đồng, tổng cộng là 1.170.000 đồng. Cho nên đề nghị xử lý vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về việc tịch thu nộp ngân sách số tiền 950.000 đồng là không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 430.000 đồng nhưng đã được xử lý ở phần vật chứng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về áp dụng pháp luật, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự như đã phân tích ở trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng về xử lý vật chứng có một phần chưa được chấp nhận như đã phân tích tại mục số [6]

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người mua những chiếc điện thoại bị trộm nhưng không biết đây là tài sản trộm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung;

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn L 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về xử lý vật chứng:

+ Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS giao trả cho bị hại ông Lâm M số tiền 430.000 đồng (Bốn trăm ba chục nghìn đồng).

+ Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS hoàn trả cho bị cáo số tiền 1.170.000 đồng (Một triệu một trăm bảy chục nghìn đồng).

5/ Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Bị cáo Nguyễn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA- TA tỉnh Sóc Trăng(1);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- VKSND thị xã Ngã Năm(1);
- CQTHAHS Công an thị xã Ngã Năm(1);
- CQĐT Công an thị xã Ngã Năm(1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA TXNN(1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Bị cáo(1);
- Bị hại(3);
- Người có QLNVLQ đến vụ án(2);
- UBND xã L, thị xã N (1);
- UBND Phường R, thị xã N (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).
- Bộ phận lưu trữ (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu**

Đặng Thị Vàng